

Số: 18 /2021/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/03/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;
Căn cứ Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11/02/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;
Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;
Căn cứ Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa chính và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000;
Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và



nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 270/TTr-STNMT ngày 21/6/2021, Công văn số 2141/STNMT-ĐDBĐVT ngày 22/6/2021, Công văn số 2527/STNMT-ĐDBĐVT ngày 19/7/2021; đề nghị của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 97/BC-STP ngày 11/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản, bản đồ chuyên ngành trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
2. Quyết định này không áp dụng đối với hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng - an ninh của các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
3. Các quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ không nêu trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý và hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Nguyên tắc trong hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Mọi hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố phải tuân thủ quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối với hoạt động đo đạc và bản đồ được xây dựng bằng ngân sách nhà nước thì sản phẩm phải được kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ của thành phố.
3. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi đưa vào sử dụng làm tài liệu, hồ sơ giải quyết các thủ tục hành chính, hồ sơ quản lý nhà nước phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký duyệt nghiệm thu chất lượng sản phẩm đủ điều kiện đưa vào sử dụng.

4. Sản phẩm đo đạc và bản đồ sau khi hoàn thành phải được bàn giao, lưu trữ, quản lý, theo dõi, cập nhật và khai thác theo quy định.

Điều 4. Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc và bản đồ sử dụng nguồn kinh phí chi cho hoạt động kinh tế của thành phố

1. Việc lập thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc bản đồ địa chính, trích đo địa chính thửa đất thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

2. Các Chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ hoặc có nội dung đo đạc và bản đồ khác (trừ đo đạc và bản đồ địa chính tại khoản 1 điều này)

sử dụng nguồn kinh phí chi cho hoạt động kinh tế của thành phố đều phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, cụ thể như sau:

a) Cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố giao làm chủ đầu tư có trách nhiệm lập thiết kế kỹ thuật - dự toán gửi Sở Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ. Thiết kế kỹ thuật - dự toán bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Sự cần thiết phải đo đạc, lập bản đồ;
- Cơ sở pháp lý;
- Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội nơi thực hiện dự án, công trình đo đạc lập bản đồ;

- Tình hình công tác đo đạc lập bản đồ của địa phương; hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc và bản đồ, các tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;

- Thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện dự án, công trình đo đạc và bản đồ của các đơn vị thuộc cơ quan quản lý địa phương;

- Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;

- Tổ chức thực hiện;

- Dự toán kinh phí;

- Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện dự án, công trình.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tham gia ý kiến bằng văn bản trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ về thiết kế kỹ thuật - dự toán của các cơ quan, đơn vị.

c) Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường; hoàn thiện thiết kế kỹ thuật - dự toán, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán phải kèm theo văn bản tham gia ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Nghiệm thu sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường ký duyệt nghiệm thu chất lượng sản phẩm đủ điều kiện đưa vào sử dụng đối với các sản phẩm bản đồ sau đây:

a) Bản đồ địa chính các tỷ lệ, trừ trường hợp quy định tại điểm 7.2 khoản 7 Điều 22 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1/2000 và 1/5000;

c) Bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000 phục vụ các mục đích: lập quy hoạch tổng mặt bằng, quy hoạch khu vực đô thị, khu vực phát triển đô thị, khu chức năng đặc thù, khu vực cần lập quy hoạch phân khu, quy hoạch nông thôn; công trình ngầm đô thị; cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; thăm dò, khai thác khoáng sản, tài nguyên và môi trường; quy hoạch nông nghiệp, lâm nghiệp, giao

thông, thủy lợi thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

2. Các cơ quan, đơn vị đo đạc lập bản đồ quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm gửi hạng mục, sản phẩm đo đạc và bản đồ cho Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện nghiệm thu theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

3. Đối với các thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ là sản phẩm đo đạc và bản đồ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính chỉ được thực hiện khi sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được ký duyệt nghiệm thu.

Điều 6. Giao nộp sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành

Đối với các sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị thực hiện giao nộp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời giao nộp 01 (một) bộ tài liệu, sản phẩm (in trên giấy và sản phẩm dạng file số lưu trữ trong USB) cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp, kết nối vào hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ của thành phố.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Triển khai thực hiện Quyết định này;

b) Quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng và bảo vệ hệ thống bản đồ, các công trình hạ tầng đo đạc cơ bản thuộc thẩm quyền thành phố;

c) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện kết nối dữ liệu thông tin, sản phẩm đo đạc và bản đồ vào hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ của thành phố;

d) Tham gia ý kiến vào thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc và bản đồ sử dụng nguồn kinh phí chi cho hoạt động kinh tế của thành phố;

đ) Chủ trì xây dựng, vận hành và bảo trì mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành; tổ chức bảo vệ mốc đo đạc quốc gia;

e) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền.

2. Các Sở, ban, ngành có hoạt động đo đạc và bản đồ:

a) Quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình;

b) Chịu trách nhiệm lập và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc và bản đồ sử dụng nguồn kinh phí chi cho hoạt động kinh tế của thành phố.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật về đo đạc và bản đồ trên địa bàn;

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đo đạc và bản đồ theo thẩm quyền;

c) Tham gia quản lý mốc đo đạc mốc đo đạc quốc gia, mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành.

d) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ khác theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Thực hiện quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều này trên địa bàn;

b) Bảo vệ mốc đo đạc quốc gia, mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị để tiếp nhận, quản lý hệ thống bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, giao thông theo quy định;

5. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ:

a) Tuân thủ các quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ;

b) Báo cáo Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường khi có thay đổi về địa điểm trụ sở chính, người phụ trách kỹ thuật, thành lập các chi nhánh.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2021.

2. Các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án thiết kế kỹ thuật - dự toán đo đạc và bản đồ đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung đã được phê duyệt.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ TN&MT);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- UBMTTQVN TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Công Thông tin điện tử TP;
- Công báo TP; Báo Hải Phòng;
- Đài PT&TH Hải Phòng;
- CVP, các PCVP;
- Phòng NN, TN&MT;
- CV: ĐC2;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Quân